

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
KỲ THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG B1

HỘI ĐỒNG THI CẤP CN TIẾNG ANH
TƯƠNG ĐƯƠNG B1 (NỘI BỘ)

PHÒNG THI SỐ

: **1**

MÔN THI

:

NGÀY THI

: 18/06/2023

SỐ TT	Số báo danh	Họ và tên	Phái	Năm sinh	Xác nhận của thí sinh sau khi nộp bài	
					Số tờ thí sinh đã làm bài	Ký tên
1	MTS001	Phạm Hoài Ân	Nữ	11/03/1999		
2	MTS002	Trần Thị Thúy An	Nữ	01/03/2000		
3	MTS003	Nguyễn Thị Xuân Anh	Nữ	16/10/2001		
4	MTS004	Đinh Diễm Nhật Bằng	Nữ	27/09/1998		
5	MTS005	Lê Vũ Gia Bảo	Nam	12/01/2000		
6	MTS006	Hình Đình Gia Bảo	Nữ	19/10/1999		
7	MTS007	Phạm Đình Bảy	Nam	12/02/1994		
8	MTS008	Phan Thị Thanh Bình	Nữ	03/03/2001		
9	MTS009	Mai Thị Tuyết Cẩm	Nữ	10/10/1997		
10	MTS010	Dương Nguyễn Minh Châu	Nữ	20/09/2000		
11	MTS011	Phạm Triều Châu	Nữ	27/07/2001		
12	MTS012	Mai Minh Châu	Nữ	12/10/2000		
13	MTS013	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	28/05/1998		
14	MTS014	Nguyễn Thị Kim Cúc	Nữ	12/04/1996		
15	MTS015	Lê Vũ Huy Danh	Nam	16/10/2000		
16	MTS016	Trần Quốc Đạt	Nam	30/06/1998		
17	MTS017	Lê Nguyễn Kiều Diễm	Nữ	12/11/2000		
18	MTS018	Phạm Vương Quý Đôn	Nam	20/04/1995		
19	MTS019	Huỳnh Tú Dung	Nữ	28/02/2000		
20	MTS020	Ninh Thị Bạch Dương	Nữ	21/11/2001		
21	MTS021	Nguyễn Hoàng Tuấn Duy	Nam	02/02/1999		
22	MTS022	Trần Mai Duyên	Nữ	20/03/2001		
23	MTS023	Nguyễn Thị Trà Giang	Nữ	01/07/1998		
24	MTS024	Ngô Nữ Quỳnh Giao	Nữ	22/05/2000		
25	MTS025	Lê Thị An Hà	Nữ	08/05/2000		

Tổng số thí sinh có mặt:

Số bài thi:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Cán bộ coi thi 2:

HỘI ĐỒNG THI CẤP CN TIẾNG ANH
TƯƠNG ĐƯƠNG B1 (NỘI BỘ)

PHÒNG THI SỐ : 2
MÔN THI :
NGÀY THI : 18/06/2023

SỐ TT	Số báo đanh	Họ và tên	Phái	Năm sinh	Xác nhận của thí sinh sau khi nộp bài	
					Số tờ thí sinh đã làm bài	Ký tên
1	MTS026	Nguyễn Phan Bảo Hân	Nữ	26/05/1998		
2	MTS027	Trần Hà Ngọc Hân	Nữ	18/09/2000		
3	MTS028	Lê Minh Hân	Nữ	11/12/2001		
4	MTS029	Nguyễn Nhật Hằng	Nữ	17/09/2001		
5	MTS030	Tăng Phương Hằng	Nữ	27/08/2000		
6	MTS031	Kiến Xuân Hậu	Nam	16/04/1993		
7	MTS032	Lê Quốc Hiếu	Nam	05/06/2000		
8	MTS033	Trần Thanh Hoa	Nữ	18/11/2000		
9	MTS034	Nguyễn Thị Hương Hòa	Nữ	27/08/2000		
10	MTS035	Lý Văn Hùng	Nam	23/10/1997		
11	MTS036	Lê Xuân Hương	Nữ	16/02/2000		
12	MTS037	Lê Thị Quế Hương	Nữ	06/12/1996		
13	MTS038	Phạm Quang Huy	Nam	28/05/1999		
14	MTS039	Đỗ Thị Ngọc Huyền	Nữ	15/11/2001		
15	MTS040	Nguyễn Bích Huyền	Nữ	18/02/2001		
16	MTS041	Lê Thanh Kha	Nữ	15/04/1997		
17	MTS042	Trần Trường Khanh	Nam	06/04/1994		
18	MTS043	Nguyễn Quốc Khánh	Nam	02/09/1995		
19	MTS044	Cao Anh Kiệt	Nam	11/01/2001		
20	MTS045	Mai Thúy Kiều	Nữ	15/03/1998		
21	MTS046	Lê Thị Thùy Liên	Nữ	03/12/1999		
22	MTS047	Hồ Thị Thùy Linh	Nữ	09/12/2000		
23	MTS048	Hồ Thị Khánh Linh	Nữ	05/03/2000		
24	MTS049	Bùi Thị Khánh Linh	Nữ	02/02/1999		
25	MTS050	Cao Đại Lượng	Nam	16/08/2023		

Tổng số thí sinh có mặt:

Số bài thi:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Cán bộ coi thi 2:

HỘI ĐỒNG THI CẤP CN TIẾNG ANH
TƯƠNG ĐƯƠNG B1 (NỘI BỘ)

PHÒNG THI SỐ : 3
MÔN THI :
NGÀY THI : 18/06/2023

SỐ TT	Số báo danh	Họ và tên	Phái	Năm sinh	Xác nhận của thí sinh sau khi nộp bài	
					Số tờ thí sinh đã làm bài	Ký tên
1	MTS051	Phan Thị Thảo Ly	Nữ	28/01/2001		
2	MTS052	Trần Quang Minh	Nam	05/07/2000		
3	MTS053	Trần Xuân Mười	Nam	18/05/1994		
4	MTS054	Võ Thị Hồng Mừng	Nữ	27/07/1994		
5	MTS055	Nguyễn Hiền My	Nữ	21/02/2001		
6	MTS056	Nguyễn Thị Thùy My	Nữ	10/07/1997		
7	MTS057	Nguyễn Kim Ngân	Nữ	09/02/1999		
8	MTS058	Phan Thị Thảo Ngân	Nữ	19/07/2000		
9	MTS059	Hồ Tịnh Nghi	Nữ	13/04/1995		
10	MTS060	Đoàn Trần Bảo Ngọc	Nữ	23/01/2001		
11	MTS061	Phạm Lê Minh Ngọc	Nữ	28/07/2001		
12	MTS062	Từ Thái Nguyên	Nam	03/12/2001		
13	MTS063	Huỳnh Thị Xuân Nhi	Nữ	02/10/2001		
14	MTS064	Đặng Thị Yến Nhi	Nữ	03/09/1997		
15	MTS065	Nguyễn Thảo Nhi	Nữ	24/07/2001		
16	MTS066	Hà Thị Yến Nhi	Nữ	03/10/2001		
17	MTS067	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	01/03/1996		
18	MTS068	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	Nữ	03/02/2001		
19	MTS069	Nguyễn Thị Ái Nhi	Nữ	08/01/2001		
20	MTS070	La Thị Yến Nhi	Nữ	01/08/1997		
21	MTS071	Đông Thị Tuyết Nhi	Nữ	07/07/1997		
22	MTS072	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	11/01/2001		
23	MTS073	Dương Thị Huỳnh Như	Nữ	21/06/1999		
24	MTS074	Tạ Lê Hoàn Như	Nữ	29/07/1999		
25	MTS075	Trương Thụy Quỳnh Như	Nữ	14/02/1993		

Tổng số thí sinh có mặt:

Số bài thi:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Cán bộ coi thi 2:

HỘI ĐỒNG THI CẤP CN TIẾNG ANH
TƯƠNG ĐƯƠNG B1 (NỘI BỘ)

PHÒNG THI SỐ : 4
MÔN THI :
NGÀY THI : 18/06/2023

SỐ TT	Số báo danh	Họ và tên	Phái	Năm sinh	Xác nhận của thí sinh sau khi nộp bài	
					Số tờ thí sinh đã làm bài	Ký tên
1	MTS076	Nguyễn Dương Minh	Nam	30/10/2000		
2	MTS077	Ngô Thụy Tuyết Nữ	Nữ	18/12/2000		
3	MTS078	Nguyễn Thành Phát	Nam	25/12/2000		
4	MTS079	Doãn Dương Thủy Phương	Nữ	26/12/2001		
5	MTS080	Nguyễn Hữu Mỹ Phương	Nữ	18/05/2001		
6	MTS081	Hoàng Thị Bích Phượng	Nữ	03/09/1990		
7	MTS082	Trần Ngọc Quỳnh Uyên	Nữ	03/10/1999		
8	MTS083	Bùi Đức Sáng	Nam	06/09/2001		
9	MTS084	Lê Hoàng Sơn	Nam	26/04/2001		
10	MTS085	Trương Thị Ngọc Tâm	Nữ	12/02/1994		
11	MTS086	Ngô Ngọc Tân	Nam	01/03/1999		
12	MTS087	Huỳnh Quang Thái	Nam	30/07/1999		
13	MTS088	Phạm Văn Thắng	Nam	02/04/1997		
14	MTS089	Đoàn Thanh Thanh	Nam	17/02/2000		
15	MTS090	Nguyễn Văn Thanh	Nam	16/02/2001		
16	MTS091	Nguyễn Thị Phương Thanh	Nữ	05/03/2001		
17	MTS092	Bùi Văn Thành	Nam	20/03/1987		
18	MTS093	Lê Duy Thành	Nam	12/12/2001		
19	MTS094	Lưu Nguyên Thảo	Nữ	07/11/1997		
20	MTS095	Lê Ngọc Trang Thi	Nữ	19/12/2000		
21	MTS096	Văn Thị Phương Thi	Nữ	16/03/1997		
22	MTS097	Trần Thị Minh Thư	Nữ	29/06/1999		
23	MTS098	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	23/09/1999		
24	MTS099	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nữ	19/09/2001		
25	MTS100	Dương Đức Anh Tiến	Nam	18/10/1997		

Tổng số thí sinh có mặt:

Số bài thi:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Cán bộ coi thi 2:

HỘI ĐỒNG THI CẤP CN TIẾNG ANH
TƯƠNG ĐƯƠNG B1 (NỘI BỘ)

PHÒNG THI SỐ : 5
MÔN THI :
NGÀY THI : 18/06/2023

SỐ TT	Số báo danh	Họ và tên	Phái	Năm sinh	Xác nhận của thí sinh sau khi nộp bài	
					Số tờ thí sinh đã làm bài	Ký tên
1	MTS0101	Trần Thanh Tiến	Nam	19/08/2000		
2	MTS0102	Nguyễn Đức Tổ Trân	Nữ	02/12/2001		
3	MTS0103	Từ Thị Huyền Trang	Nữ	04/06/1987		
4	MTS0104	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	20/07/1996		
5	MTS0105	Đặng Nguyễn Lan Trinh	Nữ	09/09/2000		
6	MTS0106	Nguyễn Ngọc Trinh	Nữ	16/10/1991		
7	MTS0107	Trần Phan Phương Trinh	Nữ	16/10/1999		
8	MTS0108	Đoàn Thanh Trúc	Nữ	27/03/2000		
9	MTS0109	Lê Thị Cẩm Tú	Nữ	18/12/2001		
10	MTS0110	Phạm Đình Tuấn	Nam	03/06/1995		
11	MTS0111	Hoàng Anh Tuấn	Nam	04/02/1996		
12	MTS0112	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	15/08/1998		
13	MTS0113	Nguyễn Thái Nhã Uyên	Nữ	13/03/1999		
14	MTS0114	Vũ Phương Uyên	Nữ	27/12/2001		
15	MTS0115	Trần Thị Ánh Vi	Nữ	14/08/2001		
16	MTS0116	Trần Thị Kim Vi	Nữ	16/04/2001		
17	MTS0117	Trần Mai Vi	Nữ	07/08/2001		
18	MTS0118	Đào Thục Viên	Nữ	30/08/1999		
19	MTS0119	Nguyễn Quốc Việt	Nam	11/01/1999		
20	MTS0120	Trần Hoàn Vũ	Nam	16/01/1998		
21	MTS0121	Nguyễn Hoàng Phương Vy	Nữ	27/05/1998		
22	MTS0122	Nguyễn Hoàng Như Vy	Nữ	17/12/1997		
23	MTS0123	Trịnh Thảo Vy	Nữ	13/9/1994		
24	MTS0124	Mai Hồng Xuân	Nữ	31/01/1997		
25	MTS0125	Hồ Thị Bảo Yến	Nữ	01/12/2001		

Tổng số thí sinh có mặt: Số bài thi: Số tờ:

Cán bộ coi thi 1: TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2023

Cán bộ coi thi 2: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI